TÒA ÁN NHÂN DÂN **huyện Thanh Bình** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/HS-ST
Ngày 14 tháng 11 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN huyện Thanh Bình, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Phước Tự.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: Trần Quang Vinh.

2/ Ông: Nguyễn Hoàng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Giang - Thư ký tòa án nhân dân huyện Thanh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Dương - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 14 tháng 11 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 57/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo:

1- Họ và tên: Nguyễn Văn H (tên gọi khác: không) sinh năm 1998, tại: tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Hoà Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1956 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm: 1966; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; vợ; con: chưa có; tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt tạm giữ: 13/6/2024; tạm giam: 19/6/2024 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, có mặt tại phiên tòa.

2- Họ và tên: Nguyễn Hữu N (tên gọi khác: không) sinh năm: 2000, tại: tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Chi L, sinh năm: 1969 và bà Đỗ Thị L1, sinh năm: 1966; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; vợ; con: chưa có; tiền sự: không; tiền án: không; tạm giữ: không; tạm giam: không, đang

bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang trú tại: ấp T, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, có mặt tại phiên tòa.

3- Họ và tên: Trương Khánh B (tên gọi khác: không) sinh ngày 29/5/2006, tại: tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Văn T, sinh năm: không rõ và bà Trương Thị N1, sinh năm: 1985; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; vợ; con: chưa có; tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt tạm giữ: 13/6/2024; tạm giam: 19/6/2024, đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1989; Trú tại; ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

2. Nguyễn Tấn Q, sinh năm; 1987; Trú tại: ấp T, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

3. Nguyễn Xuân V, sinh năm 1974; Trú tại; ấp T, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

4. Phạm Văn G, sinh năm 1978; Trú tại; ấp H, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

5. Nguyễn Văn D, sinh năm 1973; Trú tại; ấp T, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

6. Trần Mạnh K, sinh năm 1969; Trú tại; ấp T, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

7. Trần Văn C, sinh năm 1969; Trú tại; ấp T, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

8. Trần Văn M, sinh năm 1964; Trú tại; ấp T, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

9. Nguyễn Văn Trúc T1, sinh năm 1982; Trú tại; ấp T, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Phan Bé S, sinh năm 1976, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn H và Trương Khánh B là người nghiện ma tuý, để có tiền tiêu xài và sử dụng ma túy, nên vào khoảng 10 giờ 30 ngày 13/6/2024 H rủ B đi tìm tài sản để lấy trộm, B đồng ý. H điều khiển xe mô tô biển số 55P7 - 4xxx chở B theo hướng Tân Huề đi xã Tân Bình, khi đi ngang qua nhà Nguyễn Hoàng P ngụ xã T, huyện Thanh Bình thì thấy 01 môtor 03HP có gắn bơm nước bằng kim loại màu xám, đang để cặp đường, quan sát không thấy ai, H dừng xe lại kêu B đứng canh đường, còn H thì dùng dao rọc giấy đem theo cắt dây điện, lấy trộm motor bỏ vào bao da rắn, để lên xe rồi chạy đi, khi đến địa phận xã T thì bị lực lượng Công an huyện Thanh Bình đang đi tuần tra phát hiện bắt giữ H và B cùng với vật chứng là 01 motor đang chở trên xe.

Theo kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐ ngày 17/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện Thanh Bình kết luận: 01 motor màu xám, công suất 03HP có gắn đầu bơm nước bằng kim loại, màu xám có giá trị là 2.500.000 đồng.

Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn H còn khai nhận trước đó vào khoảng 03 giờ ngày 02/6/2024 bị cáo đã một mình lấy trộm của ông Nguyễn Tấn Q, ngụ ấp T, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp 01 motor điện công xuất 2 HP màu xám.

Theo kết luận định giá tài sản số 64/KL-HĐ ngày 09/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện Thanh Bình kết luận: 01 motor điện công suất 02 HP, màu xám có giá trị là 2.433.333 đồng.

Ngoài ra lúc 14 giờ ngày 05/6/2024 H còn rủ Trương Khánh B đi lấy trộm 01 motor điện công suất 1 HP màu xanh, của Nguyễn Xuân V ngụ ấp T, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Cách thức là H dùng dao cắt dây điện lấy trộm motor, còn B thì đứng ngoài canh đường, sau đó H đem bán cho người mua phế liệu không rõ họ tên địa chỉ với giá là 400.000 đồng, H chia cho B 200.000 đồng.

Theo kết luận định giá tài sản số 66/KL-HĐ ngày 09/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện Thanh Bình kết luận: 01 motor điện công suất 1 HP, màu xanh có giá trị là 900.000 đồng.

Đồng thời Nguyễn Văn H còn khai đã rủ Nguyễn Hữu N đi trộm mô tưa 06 lần, cách thức H là người trực tiếp cắt dây điện lấy trộm các tài sản, còn N thì đứng ngoài canh đường cụ thể như sau:

- Lúc 23 giờ ngày 20/5/2024 H rủ N đi lấy trộm 01 motor điện công suất 2 HP màu xanh của Phạm Văn G ngụ ấp H, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Sau đó H cùng với N tiếp tục lấy trộm 01 motor điện công suất 1 HP của Nguyễn Văn D ngụ ấp T, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. H đem bán cho người mua phế liệu không rõ họ tên địa chỉ, motor trộm của ông G với giá là 450.000 đồng, H chia cho N 200.000 đồng; motor trộm của ông D giá là 300.000 đồng, chia cho N 150.000 đồng.

Theo kết luận định giá tài sản số 62/KL-HĐ ngày 09/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện Thanh Bình kết luận: 01 motor điện công suất 2 HP, màu xanh trộm của ông G có giá trị là 1.533.333 đồng.

Theo kết luận định giá tài sản số 56/KL-HĐ ngày 08/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện Thanh Bình kết luận: 01 motor điện công suất 1 HP, màu xanh trộm của ông D có giá trị là 333.333 đồng.

- Khoảng 23 giờ ngày 01/6/2024 cũng như lần trước H và N lấy trộm 01 motor công suất 1 HP, màu đen của Trần Mạnh K ngụ ấp T, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. H bán cho người mua phế liệu lạ, số tiền là 300.000 đồng H chia cho N 150.000 đồng.

Theo kết luận định giá tài sản số 58/KL-HĐ ngày 08/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện Thanh Bình kết luận: 01 motor điện công suất 1 HP, màu đen có giá trị là 333.333 đồng.

- Khoảng 23 giờ ngày 04/6/2024 cũng như lần trước H và N lấy trộm 01 motor công suất 1 HP màu xanh của Trần Văn C ngụ ấp T, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. H bán cho người mua phế liệu lạ, số tiền là 300.000 đồng H chia cho N 150.000 đồng.

Theo kết luận định giá tài sản số 54/KL-HĐ ngày 08/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện Thanh Bình kết luận: 01 motor điện công suất 1 HP, màu xanh có giá trị là 566.667đồng.

- Khoảng 23 giờ ngày 05/6/2024 H đột nhập vào nhà kho của Trần Văn M ngụ ấp T, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp lấy trộm 01 máy nén dùng để phun thuốc trừ sâu, N thì đứng ngoài canh đường, sau đó H bán cho người mua phế liệu lạ, số tiền là 950.000 đồng H chia cho N 140.000 đồng.

Theo kết luận định giá tài sản số 60/KL-HĐ ngày 09/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện Thanh Bình kết luận: 01 máy nén phun thuốc trừ sâu, màu đỏ có giá trị là 3.666.667đồng.

- Khoảng 01 giờ ngày 13/6/2024 H và N lấy trộm 01 motor công suất 1.5 HP, màu trắng của Nguyễn Văn T2 Trưng ngụ ấp T, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, do lúc đó trời mưa nên H không đem ra được, mà cất giấu ở bụi cỏ, cách nơi lấy trộm khoảng 80m, sáng lại H đến lấy, nhưng đã bị ai lấy mất không còn.

Theo kết luận định giá tài sản số 68/KL-HĐ ngày 09/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện Thanh Bình kết luận: 01 motor điện công suất 1,5 HP, màu trắng có giá trị là 866.667 đồng.

Quá trình Điều tra và tại phiên toà các bị cáo Trương Khánh B, Nguyễn Hữu N, đều khai nhận giống như lời khai của Nguyễn Văn H nêu trên, đồng thời thừa nhận đã phạm tội.

Tại bản cáo trạng số 56/CT-VKSTB ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu N, Trương Khánh B ra trước Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp để xét xử H, N, B về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS. Tại phiên tòa Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng truy tố. Vì có đủ cơ sở xác định các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu N và Trương Khánh B trong thời gian từ ngày 20/5/2024 đến ngày 13/6/2024 trên địa bàn các xã Tân Hoà, Tân Quới, Tân Bình, Tân Huề, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Các bị cáo đã 09 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Tấn Q, Nguyễn Xuân V, Nguyễn Văn Trúc T1, Phạm Văn G, Nguyễn Văn D, Trần Văn C, Trần Mạnh K, Trần Văn M có tổng giá trị là 13.133.334 đồng. Trong đó Bị cáo H, B cùng tham gia 02 lần (có một lần 13/6/2024 tài sản trộm trị giá là trên 2.000.000 đồng); H và N thực hiện 06 lần (có một lần ngày 5/6/2024 tài sản trộm trị giá là trên 2.000.000 đồng). Hậu một mình trộm ngày 02/6/2024 tài sản có giá trị trên 2.000.000 đồng.

Bị cáo H là người chủ mưu và trực tiếp thực hiện hành vi lấy trộm tài sản, hưởng lợi số tiền là 2.150.000 đồng, N và B có vai trò giúp sức và N hưởng lợi số tiền là 1.050.000 đồng, B hưởng lợi là 200.000 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu N, Trương Khánh B là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Khi thực hiện hành vi bị cáo nhận thức được là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, đã đủ cơ sở kết tội các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu N và Trương Khánh B phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ, hậu quả tác hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nguyên nhân điều kiện dẫn đến phạm tội và nhân thân của từng bị cáo. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Khánh B từ 09 tháng đến 01 năm tù; Về hình phạt bổ sung không áp dụng; Về xử lý vật chứng đề nghị tịch thu tiêu hủy các công cụ dùng để thực hiện phạm tội, tịch thu sung ngân sách nhà nước phương tiện thực hiện phạm tội và trả lại cho bị cáo các tài sản cá nhân thuộc sở hữu của bị cáo không liên quan đến tội phạm; Về trách nhiệm dân sự buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho các bị hại giá trị tài sản theo kết luận giám định do hiện nay không thu hồi được, theo quy định tại Điều 48 BLHS và Điều 584; 587; 589 Bộ luật dân sự.

Trong phần tranh luận các bị cáo thừa nhận tội và không có tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Nói lời sau cùng bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu N, Trương Khánh B đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện và Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên toà các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu N cùng Trương Khánh B đã khai nhận thực hiện 09 lần lấy trộm 08 motor các loại và 01 máy phun thuốc trừ sâu, của 09 bị hại, ở 04 xã Tân Hoà, Tân Huề, Tân Quới, Tân Bình thuộc huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt có tổng giá trị là 13.133.334 đồng, cụ thể như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 02/6/2024 bị cáo H đã một mình lấy trộm của ông Nguyễn Tấn Q, ngụ ấp T, xã T 01 motor điện công xuất 2 HP màu xám có giá trị 2.433.333 đồng; Lúc 14 giờ ngày 05/6/2024 H còn rủ Trương Khánh B đi lấy trộm của Nguyễn Xuân V ngụ xã T, 01 motor điện công suất 1 HP màu xanh có giá trị là 900.000 đồng và cùng với B lấy trộm của Nguyễn Hoàng P ngụ xã T 01 motor 03HP có gắn bơm nước bằng kim loại màu xám, có giá trị là 2.500.000 đồng, lúc đó là 10 giờ 30 ngày 13/6/2024 trên đường đi về thì bị bắt quả tang với đầy đủ tang vật chứng. Ngoài ra ngày 20/5/2024 H đã rủ Nguyễn Hữu N đi lấy trộm của Phạm Văn G ngụ T 01 motor điện công suất 2 HP màu xanh có giá trị 1.533.333 đồng, liền sau đó tiếp tục đến nhà Nguyễn Văn D cũng xã T lấy trộm 01 motor điện công suất 1 HP có gí trị là 333.333 đồng. Trong các ngày 01/6, 04/6, 05/6 và 13/6/2024 H tiếp tục rủ N cùng lấy trộm của Trần Mạnh K ngụ xã T 01 motor công suất 1 HP, màu đen giá trị là 333.333 đồng; Lấy trộm của Trần Văn C ngụ xã T 01 motor công suất 1 HP màu xanh có giá trị là 333.333 đồng; Lấy trộm của Trần Văn M ngụ xã T 01 máy nén dùng để phun thuốc trừ sâu có giá trị là 3.666.667 đồng; Lấy trộm của Nguyễn Văn T2 Trưng ngụ ấp T, xã T 01 motor công suất 1.5 HP, màu trắng có giá trị là 866.667 đồng. Các bị cáo đã khai nhận phù hợp nhau cả về không gian, thời gian và hành động thực hiện tội phạm, đúng với lời khai của các bị hại, các tài sản đã được giám định. Khi thực hiện hành vi các bị cáo nhận thức đầy đủ hành động của mình là vi phạm pháp

luật là phạm tội, nhưng vẫn cố ý thực hiện và thực hiện một cách liên tục, tài sản chiếm đoạt là có tổng giá trị là 13.133.334 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu N, Trương Khánh B đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" phạm vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự có quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây khó khăn cho quá trình sản xuất, cũng như cuộc sống sinh hoạt của nhiều người ở địa bàn 04 xã C, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, kỹ cương pháp luật bị xâm hại, các bị cáo không tôn trọng tài sản của người khác, xâm phạm khách thể là quyền sở hữu tài sản được luật hình sự bảo vệ, các bị cáo có 09 lần lén lút chiếm đoạt tài sản của 09 người bị hại. thực hiện trộm cắp một cách liên tục, thể hiện sự xem thường luật pháp. Do đó, việc đưa các bị cáo ra xét xử công khai như ngày hôm nay là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để răn đe các hành vi tương tự có thể xảy ra.

Trong vụ án này có 03 bị cáo cùng phạm tội và vai trò của từng bị cáo được thể hiện như sau:

[3.1] Nguyễn Văn H là người có vai trò chủ mưu, trực tiếp rủ bị cáo Nguyễn Hữu N và Trương Khánh B đi tìm tài sản trộm và H là người trực tiếp thực hiện dùng dao cắt dây điện tháo lấy các motor điện, cũng như các tài sản khác của các bị hại, đồng thời hưởng lợi nhiều nhất với số tiền là 2.150.000 đồng. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án và phải xử phạt bị cáo mức án cao hơn so với 02 bị cáo còn lại. Bị cáo Nguyễn Văn H có 09 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của 09 bị hại, trong đó có 03 lần tài sản chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng, đây là tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên, theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Vì vậy phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, để cải tạo giáo dục bị cáo thành người tốt về sau này.

Quá trình xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo tỏ ra ăn năn hối cải, bản thân bị cáo H chưa có tiền án tiền sự, đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, nên HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3.2] Nguyễn Hữu Nghĩa là đồng phạm với vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo H trong việc lấy trộm tài sản, N đã canh đường cho H thực hiện 06 lần, chiếm đoạt 05 motor và 01 máy phun thuốc sâu (trong đó có một lần ngày 5/6/2024 tài sản trộm trị giá là 3.666.667 đồng, còn lại tài sản đều dưới

2.000.000 đồng) bị cáo xem thường pháp luật, không tôn trọng tài sản của người khác, hưởng lợi là 1.050.000 đồng. Do đó cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội về sau này.

Quá trình xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, mới phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Đều 51 BLHS nên HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3.3] Trương Khánh B cũng là đồng phạm với Nguyễn Văn H, tham gia 02 lần lấy trộm 02 motor (trong đó có một lần tài sản chiếm đoạt có giá trị trên 2.000.000 đồng) là người canh đường, giúp sức tích cực cho H lấy trộm tài sản của người khác, hưởng lợi 200.000 đồng, cho nên cần phải có hình phạt tương xứng, nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo thành người tốt về sau này.

Quá trình xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bồi thường cho bị hại Nguyễn Xuân V số tiền là 450.000 đồng, mới phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Đều 51 BLHS nên HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Qua lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày tại phiên tòa thể hiện các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu N, Trương Khánh B không có nghề nghiệp, là người nghiện ma tuý, kinh tế khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình thức phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, đồng thời phù hợp với phân tích, nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: tại phiên toà cũng như quá trình Điều tra các bị cáo đã thoả thuận bồi thường cho các bị hại cụ thể như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn H bồi thường cho ông Nguyễn Tấn Q số tiền 2.433.333 đồng; bồi thường cho ông Nguyễn Xuân V 450.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn H liên đới với bị cáo Nguyễn Hữu N bồi thường cho Phạm Văn G số tiền 1.533.333 đồng; bồi thường cho Nguyễn Văn D số tiền 333.333 đồng; bồi thường cho ông Trần Mạnh K số tiền 333.333 đồng; bồi thường cho ông Trần Văn C số tiền 566.667 đồng; bồi thường cho Trần Văn M số tiền là 3.666.667 đồng; bồi thường cho ông Nguyễn Văn T2 Trưng số tiền là 866.667 đồng.

Sự thoả thuận của các bị cáo và các bị hại là tự nguyện, không trái với đạo đức với xã hội đồng thời phù hợp với Điều 48 BLHS; Điều 584; Điều 587; Điều 589 BLDS nên cần chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ:

+ 01 dao rọc giấy cán bằng nhựa màu xanh; 01 bao da rắn màu xanh; 01 xe mô tô biển số 55P7-4xxx loại TAURUS 16S1, màu đen, số máy: 16S106xxxx, số khung: RLC16S109Yxxxx89 của bị can Nguyễn Văn H.

Đây là công cụ và phương tiện dùng để thực hiện hành vi phạm tội cần phải tịch thu tiêu huỷ và sung vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS.

- Đối với tiền số 1.400.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn H cần tiếp tục quản lý để đảm bảo cho giai đoạn thi hành án.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu N, Trương Khánh B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo, bị hại được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 17 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu N, Trương Khánh B cùng phạm tội "Trộm cắp tài sản"

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt Nguyễn Văn H – 01 (một) năm, 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ: 13/6/2024.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt Nguyễn Hữu N – 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt Trương Khánh B – 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ: 13/6/2024.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng 48 BLHS; Điều 584; 585; 587; 589 Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn H bồi thường cho ông Nguyễn Tấn Q số tiền 2.433.333 đồng; bồi thường cho ông Nguyễn Xuân V 450.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn H liên đới với bị cáo Nguyễn Hữu N bồi thường cho Phạm Văn G số tiền 1.533.333 đồng; bồi thường cho Nguyễn Văn D số tiền 333.333 đồng; bồi thường cho ông Trần Mạnh K số tiền 333.333 đồng; bồi thường cho ông Trần Văn C số tiền 566.667 đồng; bồi thường cho Trần Văn M số tiền là 3.666.667 đồng; bồi thường cho ông Nguyễn Văn T2 Trưng số tiền là 866.667 đồng.

Đối với tiền bồi thường khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5- Xử lý vật chứng và tài sản thu giữ: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 dao rọc giấy cán bằng nhựa màu xanh; 01 bao da rắn màu xanh.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước:

+ 01 xe mô tô biển số 55P7- 4xxx loại TAURUS 16S1, màu đen, số máy: 16S106xxxx, số khung: RLC16S109Yxxxx89 của bị can Nguyễn Văn H.

- Tiếp tục quản lý số tiền 1.400.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn H để đảm bảo cho thi hành án.

(Tiền và tài sản đang do Chi cục thi hành án Dân sự huyện Thanh Bình quản lý)

6. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu N, Trương Khánh B mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án 14/11/2024. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CSĐT CA huyện Thanh Bình;
- THA HS CA huyện Thanh Bình;
- CC THA huyện Thanh Bình;;Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án. (Giang)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Phước Tự